

Nậm Pồ, ngày tháng 11 năm 2024

Số: /BC-DTNTNP

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm học 2023-2024**

*Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TTBGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

*Căn cứ Công văn số 1934/SGDDT-GDMT, ngày 17/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

*Căn cứ Công văn số 2190/SGDDT-QLCL ngày 13/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2024-2025.*

Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024 như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ.
- Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử
  - Địa chỉ: Bản Nậm Ngà 2, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
  - Số điện thoại: 02152.200.300
  - Email: ptdntthptnampo2014@gmail.com.
  - Website: <https://dtntnampo.dienbien.edu.vn/>
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp
  - Loại hình trường: Công lập
  - Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

**4.1 Sứ mạng**

Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ là trường chuyên biệt có chức năng, nhiệm vụ tuyển sinh và đào tạo văn hóa, trình độ THPT cho con em các dân tộc thiểu số tại địa phương huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Giáo dục, định hướng kiến thức lao động và hướng nghiệp giúp các em lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của bản thân và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, giáo dục học sinh ý thức phục vụ quê hương sau khi tốt nghiệp cấp THPT và học các trường chuyên nghiệp sau khi ra trường.

**4.2. Tầm nhìn**

Phân đầu là một trong những trường chuyên biệt vươn lên trở thành trường có chất lượng giáo dục thuộc tốp đầu của tỉnh, là địa chỉ tin cậy để học sinh lựa chọn học tập và rèn luyện và là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

#### 4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”.

Phân đầu xây dựng trường chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu riêng

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ được thành lập năm 2014 theo Quyết định số 825/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên nhưng đến năm học 2018-2019 nhà trường mới chính thức đi vào hoạt động và tuyển sinh. Sau gần 7 năm đi vào vào hoạt động, nhà trường đã khẳng định được vị trí, thương hiệu của mình thông qua công tác tuyển sinh đầu vào, các kết quả và thành tích đạt được trong các năm học, chất lượng đào tạo mũi nhọn và thi tốt nghiệp THPT cũng được khẳng định với nhiều giải cao trong các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh và kết quả thi tốt nghiệp THPT luôn nằm trong tốp các trường có điểm cao. Tập thể nhà trường được ngành Giáo dục và nhân dân trên địa bàn ghi nhận và tin tưởng.

Trong những năm qua, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm, chú trọng quản lý bằng chất lượng và hiệu quả công việc. Thường xuyên phối kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh. Xây dựng kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; chất lượng đội ngũ đảm bảo về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước nói chung và của ngành Giáo dục nói riêng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Tập. Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Địa chỉ nơi làm việc: Bản Nậm Ngà 2, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Số điện thoại: 0944 256 578.

- Email: tapptdntthptnampo@gmail.com

#### 7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ được thành lập năm 2014 theo Quyết định số 825/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch hội đồng trường.
- Quyết định số 3284/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025
- Quyết định số 2074/QĐ-SGDĐT ngày 10/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Quyết định số 1394/QĐ-SGDĐT ngày 07/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025.

**Danh sách thành viên Hội đồng trường**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ hiện tại</b>	<b>Chức vụ trong Hội đồng</b>
1	Nguyễn Văn Tập	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Thào A Khai	Chủ tịch UBND xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	Ủy viên
3	Trần Thế Mạnh	Thư ký Hội đồng giáo dục	Thư ký
4	Phạm Xuân Chính	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5	Khoàng Văn Thư	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6	Dương Mạnh Quân	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Ủy viên
7	Trần Danh Nhạ	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
8	Hoàng Thị Huệ	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
9	Trần Thị Ngát	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
10	Thùng Văn Vĩnh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
10	Lường Thị Bình	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên
11	Đào Thị Nhàn	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên
12	Trần Văn Long	Trưởng phòng Tài Nguyên, Môi trường huyện Nậm Pồ	Ủy viên
13	Nguyễn Hoàng Long	Đại diện học sinh	Ủy viên

- c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
- Quyết định số 1362/QĐ-SGDĐT ngày 27/11/2023 về việc điều động và bổ nhiệm ông Vũ Trọng Vinh - Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chà Cang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 01/12/2023.
  - Quyết định số 44/QĐ-SGDĐT ngày 22/01/2024 về việc điều động và bổ nhiệm ông Phạm Xuân Chính - Phó Hiệu trưởng Trường THPT Nậm Pồ, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 24/01/2024.
  - Quyết định số 459/QĐ-SGDĐT ngày 01/07/2024 về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tập - Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ, tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 15/07/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

\* Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tổ chức hoạt động trường PTDTNT theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch số 123/KH-DTNTNP ngày 08/9/2021 về kế hoạch chiến lược phát triển trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Quyết định số 77/QĐ-DTNTNP ngày 09/10/2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ.

- Quyết định số 01/QĐ-DTNTNP ngày 01/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ năm 2024.



5	Nhân viên y tế	0														
6	Nhân viên thư viện	0														
7	Nhân viên Giáo vụ	1			1					1						
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0														
9	Nhân viên nuôi dưỡng	4					4									
10	Nhân viên bảo vệ	2			1	1										

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Thông tin về cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	10	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	34,8	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	29.601	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	5000	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	600	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	105	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	385,5	
5	Diện tích phòng khác (...) (m <sup>2</sup> )	0	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	01	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	01	01/lớp
2	Khối lớp 11	01	01 lớp
3	Khối lớp 12	01	01 lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	25	14 học sinh/bộ

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	14	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	1bộ/lớp
5	Thiết bị khác...	1	

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>
<b>X</b>	Nhà bếp	01 ( m <sup>2</sup> )
<b>XI</b>	Nhà ăn	01 ( m <sup>2</sup> )

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng, tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/chỗ</b>
<b>XII</b>	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
<b>XIII</b>	Khu nội trú	40 ( m <sup>2</sup> )	350	m <sup>2</sup> /chỗ

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>		<b>Số m<sup>2</sup>/học sinh</b>	
			<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>	<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	1	1/1	0	0,12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	<b>Nội dung</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
<b>XVII</b>	Kết nối internet (ADSL)	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

## 2. Thiết bị dạy học tối thiểu

Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:  
Lớp 10: 01 bộ; lớp 11: 01 bộ; lớp 12: 01 bộ; đảm bảo theo quy định.

## 3. Danh mục sách giáo khoa

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm học 2024 – 2025.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hàng năm nhà trường xây dựng Kế hoạch công tác khảo thí và tự đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả tự đánh giá với các tiêu chí kiểm định, phấn đấu đến năm học 2025-2026 nhà trường đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2.

Tính đến năm 2023-2024, nhà trường chưa được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ qua có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Kết quả tuyển sinh và số học sinh

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Kết quả tuyển sinh năm	105 (03 lớp)		
2	Số học sinh	105 (03 lớp)	105 (03 lớp)	138 (04 lớp)

##### 2. Chất lượng giáo dục

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>348</b>	<b>105</b>	<b>105</b>	<b>138</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93,10%	92,33%	97,14%	90,58%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6,60%	6,67%	2,86%	9,42%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,29%	0,95%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>348</b>	<b>105</b>	<b>105</b>	<b>138</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8,05%	7,62%	7,62%	8,70%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	61,49%	59,05%	60,95%	60,77%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	30,46%	33,33%	31,43%	27,53%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>348</b>	<b>105</b>	<b>105</b>	<b>138</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100 %	100 %	100 %	100 %
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8,05%	7,62%	7,62%	8,70%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	61,49%	59,05%	60,95%	60,77%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	41	20	12	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	0	0	0	138



<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (ước đạt)</b>	0	0	0	138
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>	0	0	0	43,48%
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	174/174	53/56	72/66	38/60
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	330/348	97/105	99/105	134/138

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện đầy đủ các nội dung công khai các khoản thu, chi theo quy định tại Điều 5, Thông tư 09/2014/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 về quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đó:

### 1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao năm 2024: 13.580.230.000 đồng, tăng 745.145.000 đồng tương đương tăng 5% so với năm 2023.
- Nhà trường không thực hiện thu học phí đối với học sinh.

### 2. Các khoản chi phân theo:

- Chi thường xuyên 6 tháng đầu năm 2024 (chi tiền lương và phụ cấp theo lương, chi cơ sở vật chất và dịch vụ, chi hỗ trợ người học, chi khác..): 2.693.866.281 đồng.
- Chi không thường xuyên 6 tháng đầu năm 2024 (chi chế độ học sinh, cấp bù..): 3.071.228.342 đồng.

## VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm khác của trường và của ngành. Trong đó tập trung các nhiệm vụ chủ yếu:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.
- Huy động dân số trong độ tuổi đến trường, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.
- Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.
- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.
- Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.
- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục.
- Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do Ngành và các cấp phát động.

Trên đây là báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2024 của trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ./.

***Nơi nhận***

- Sở GD&ĐT (Phòng KTKĐCLGD&CNTT, Thanh tra Sở);
- Đăng Website;
- CBQL, GV, NV toàn trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Tập**